

Số: 04/TB-QLCL

Thái Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2018

V/v xây dựng bộ chỉ số chất lượng  
bệnh viện năm 2018

**Kính gửi: Các khoa, phòng trong bệnh viện**

Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện; Căn cứ Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 6859/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế và Quyết định số 7051/QĐ-BYT, ngày 29/11/2016 về việc ban hành hướng dẫn xây dựng thí điểm một số chỉ số cơ bản đo lường chất lượng bệnh viện.

Căn cứ kế hoạch số 130/KH-BVN, ngày 30/12/2017 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Thái Bình về ban hành Kế hoạch Cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2018.

Thực hiện sự chỉ đạo của Hội đồng Quản lý chất lượng Bệnh viện Nhi Thái Bình về việc giao đầu mối triển khai xây dựng chỉ số chất lượng tại bệnh viện năm 2018; Phòng quản lý chất lượng xin được thông báo các nội dung cụ thể như sau:

**I. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG**

TT	TÊN CHỈ SỐ	CĂN CỨ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ					GHI CHÚ
				Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	
<b>A. Chỉ số chất tại quyết định số 7051/QĐ-BYT, Ngày 29 tháng 11 năm 2016</b>									
<b>Năng lực chuyên môn (02/02 chỉ số)</b>									
1.	Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến kỹ thuật	C5.1	KHTH		x		x		Mức 3
2.	Tỷ lệ phẫu thuật loại 2 trở lên		KHTH		x		x		
<b>An toàn (03/04 chỉ số)</b>									
3	Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện	C4.4	KSNK	x	x	x	x	x	Mức 4
4	Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện liên quan thở máy	C4.4	KSNK		x		x	x	Mức 4
5	Sự cố y khoa nghiêm trọng	D2.2	QLCL	x	x	x	x	x	Mức 2
<b>Hiệu suất (03/04 chỉ số)</b>									

TT	TÊN CHỈ SỐ	CĂN CỨ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ					GHI CHÚ
				Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	
6	Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	A1.3	K.bệnh	x	x	x	x	x	Mức 5
7	Công suất sử dụng giường bệnh thực tế	A2.1	KHTH	x	x	x	x	x	Mức 3
8	Thời gian nằm viện trung bình (tất cả các loại bệnh)	A4.1	KHTH	x	x	x	x	x	Mức 4
<b>Hiệu quả (02 chỉ số)</b>									
9	Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám, điều trị	C5.1	CĐT	x	x	x	x	x	Mức 3
10	Tỷ lệ bệnh nhân tử vong và nặng xin về		KHTH	x	x	x	x	x	
<b>Hướng đến người bệnh (02 chỉ số)</b>									
11	Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú với dịch vụ khám, chữa bệnh	A4.6	QLCL	x	x	x	x	x	Mức 3
12	Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám, chữa bệnh	A4.6	CTXH	x	x	x	x	x	Mức 3
<b>Hướng đến nhân viên (02 chỉ số)</b>									
13	Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	C4.2	KSNK	x	x	x	x	x	Mức 4
14	Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế	B3.2	TCHC	x	x	x	x	x	Mức 4
15	Tỷ lệ tiêm phòng Viêm gan B trong nhân viên y tế		TCHC			x			
<b>B. Chỉ số ngoài Quyết định số 7051/QĐ-BYT, ngày 29/11/2016</b>									
16	Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế	C4.3	KSNK	x	x	x	x	x	Mức 5
17	Thời gian trả kết quả trung bình từng loại xét nghiệm tại khu vực ngoại trú	C8.1	Khoa XN	x	x	x	x	x	Mức 3
18	Thời gian chờ kết quả dịch vụ chẩn đoán hình ảnh		Khoa CĐHA	x	x	x	x	x	
<b>C. Chỉ số chất lượng của Phòng Điều dưỡng (Có kế hoạch riêng)</b>									
<b>Năng lực chuyên môn (7)</b>									
	Tỷ lệ phòng chống loét tì đè cho NB		HSTC	x	x	x	x	x	
	Tỷ lệ tuân thủ thực hiện QTKT hút NKQ			x	x	x	x	x	

TT	TÊN CHỈ SỐ	CĂN CỨ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ					GHI CHÚ
				Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	
	Tỉ lệ tuân thủ thực hiện QTKT tiêm tĩnh mạch		HH, SS T.Nguyễn	x	x	x	x	x	
	Tỉ lệ tuân thủ thực hiện QTKT truyền dịch tĩnh mạch		TH, CC T.Nhiễm	x	x	x	x	x	
	Tỉ lệ tuân thủ thực hiện mũi TAT		T.Nhiễm	x	x	x	x	x	
	Tỉ lệ tuân thủ thực hiện QTKT truyền máu		MT	x	x	x	x	x	
<b>An toàn người bệnh (3)</b>									
	Tỉ lệ tuân thủ chuẩn bị bệnh nhân trước mổ		Ng. 3 CK	x	x	x	x	x	
	Tỉ lệ tuân thủ bảng kiểm an toàn phẫu thuật		Ng. 3CK	x	x	x	x	x	
	Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh		CC; TNg; TH, MT	x	x	x	x	x	
<b>Hướng đến NB</b>									
	Tuân thủ quy định về tần xuất tổ chức họp người bệnh cấp khoa		Các khoa	x	x	x	x	x	

## II. BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	KẾT QUẢ	ĐẠT
<b>A. CHỈ SỐ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 7051/QĐ-BYT, NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2016</b>					
<b>Năng lực chuyên môn (02/02 chỉ số)</b>					
1	Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến kỹ thuật	1 năm/lần	KHTH	Các khoa	
2	Tỷ lệ phẫu thuật loại 2 trở lên	1 năm/lần	KHTH	Ngoại	
<b>An toàn (03/04 chỉ số)</b>					
3	Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện	3 tháng/lần	KSNK	Các khoa	

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	KẾT QUẢ	ĐẠT
4	Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện liên quan thở máy	1 năm/lần	KSNK	HSTC	
5	Sự cố y khoa nghiêm trọng	3 tháng/lần	QLCL	Các khoa	
<b>Hiệu suất (03/04 chỉ số)</b>					
6	Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	3 tháng/lần	Khám bệnh	CNTT	
7	Công xuất sử dụng giường bệnh thực tế	6 tháng/lần	KHTH	Các khoa	
8	Thời gian nằm viện trung bình (tất cả các loại bệnh)	3 tháng/lần	KHTH	Các khoa	
<b>Hiệu quả (02 chỉ số)</b>					
9	Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám, điều trị	6 tháng/lần	CĐT	KHTH	
10	Tỷ lệ bệnh nhân tử vong và nặng xin về	6 tháng/lần	KHTH	Các khoa	
<b>Hướng đến người bệnh (02 chỉ số)</b>					
11	Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú với dịch vụ khám, chữa bệnh	3 tháng/lần	QLCL	Các khoa	
12	Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám, chữa bệnh	3 tháng/lần	CTXH	Khám bệnh	
<b>Hướng đến nhân viên (02 chỉ số)</b>					
13	Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	6 tháng/lần	KSNK	Các khoa	
14	Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế	3 tháng/lần	TCHC	Các khoa	
15	Tỷ lệ tiêm phòng Viêm gan B trong nhân viên y tế	1 năm/lần	TCHC		
<b>B. CHỈ SỐ NGOÀI QUYẾT ĐỊNH SỐ 7051/QĐ-BYT, NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2016</b>					
16	Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế	6 tháng/lần	KSNK	Các khoa	
17	Thời gian trả kết quả trung bình từng loại xét nghiệm tại khu vực ngoại trú	1 quý/lần	KHTH	Các khoa	
18	Thời gian chờ kết quả dịch vụ chẩn đoán hình ảnh	1 quý/lần	KHTH	Các khoa	
<b>C. CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CỦA PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG (Có kế hoạch riêng)</b>					
Các chỉ số được Phòng Điều dưỡng chỉ đạo triển khai		3 tháng/lần	Phòng ĐD	Các khoa	

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Phòng Quản lý chất lượng** là đầu mối hướng dẫn triển khai và giám sát tiến độ thực hiện các chỉ số tới các khoa, phòng liên quan; Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện của các khoa phòng về xây dựng các chỉ số chất lượng; Tham mưu Hội đồng Quản lý chất lượng các giải pháp cải tiến cần thiết từ kết quả các chỉ số chất lượng;

**2. Phòng Điều dưỡng** Tổ chức triển khai các đơn vị thực hiện các chỉ số chất lượng điều dưỡng; Tham mưu Hội đồng Quản lý chất lượng những giải pháp cải tiến;

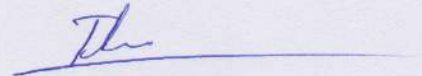
**3. Các khoa, phòng** Triển khai thực hiện các chỉ đạo từ Hội đồng và các phòng ban; Thực hiện báo cáo kết quả kịp thời, đúng tiến độ, yêu cầu của kế hoạch;

Trên đây là nội dung triển khai xây dựng và đánh giá các chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2018; Đề nghị các khoa, phòng nghiêm túc thực hiện; trong quá trình thực hiện có vướng mắc báo cáo kịp thời về Phòng Quản lý chất lượng (đơn vị đầu mối) tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản lý chất lượng;

**Nơi nhận:**

- BLĐ BV ( báo cáo)
- Các khoa, phòng;
- Lưu QLCL.

**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Hữu Thiện**